

Số: 07/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 03 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 594/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Văn Thành N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 1205/AT ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 131/TK ấp T, xã B, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Văn Thành N và chị Trần Thị N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 13/9/2004 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về con chung: 02 (hai) con chung là cháu Văn Ngọc Minh T, sinh ngày 08/12/2003 và cháu Văn Minh K, sinh ngày 07/4/2013.

Sau khi ly hôn, anh Văn Thành N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Văn Ngọc Minh T, sinh ngày 08/12/2003 (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với cha của cháu T tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 26/12/2019) và chị Trần Thị N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Văn Minh K, sinh ngày 07/4/2013. Ghi nhận anh N, chị N tự nguyện không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Văn Thành N và chị Trần Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Văn Thành N đồng ý nộp. Số tiền án phí anh N phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008572 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B. Anh N được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Long